

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 – CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 416/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 07 - 8 - 2026
V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Huệ

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ngọc Sơn

Bà Lưu Xông Pha

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Tuyết Ngân là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Cà Mau.

Ngày 07 tháng 8 năm 2026 tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 821/2026/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 7 năm 2026 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 798/2026/QĐXXST - HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Hữu Đ, sinh ngày 01/01/1972. CCCD số 096072023936. Địa chỉ: Ấp Đ, xã H, tỉnh Cà Mau (Xin vắng).

- *Bị đơn:* Bà Huỳnh Thị T, sinh ngày 01/01/1972. CCCD số 096172009819. Địa chỉ: Ấp I, xã Đ, tỉnh Cà Mau (Xin vắng).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 24 tháng 7 năm 2026, nguyên đơn là ông Hữu Đ trình bày:

Về hôn nhân: Ông Hữu Đ và bà Huỳnh Thị Thanh C sống như vợ chồng từ năm 1993, không đăng ký kết hôn. Giữa vợ chồng có phát sinh nhiều mâu thuẫn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, đã ly thân khoảng 20 năm. Nay ông Đ yêu cầu xin ly hôn với bà T.

Về con chung: Có 02 con chung, Hữu Văn T1, sinh năm 1995 và Hữu Văn Đ1, sinh năm 1997, các con chung đã thành niên, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 30 tháng 7 năm 2026, ông Hữu Đ yêu cầu Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt.

Tại biên bản ghi nhận ý kiến đương sự ngày 29 tháng 7 năm 2026, bà Huỳnh Thị T trình bày:

Bà T và ông Hữu Đ xác lập quan hệ vợ chồng từ khoảng năm 1993, không đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống phát sinh mâu thuẫn nên đã ly thân thời gian khoảng hơn 20 năm. Nay ông Đ yêu cầu xin ly hôn với bà T, bà T cũng có nguyện vọng được ly hôn với ông Đ.

Thời gian chung sống bà T và ông Đ có được 02 con chung, Hữu Văn T1, sinh năm 1995, Hữu Văn Đ1, sinh năm 1997. Các con đã thành niên, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Do điều kiện công việc, không đảm bảo được thời gian tham gia tố tụng để giải quyết vụ án. Bà T yêu cầu Toà án không tiến hành hoà giải và giải quyết, xét xử vụ án vắng mặt bà T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đối với việc đề nghị vắng mặt của ông Hữu Đ, bà Huỳnh Thị T, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông Đ, bà T theo quy định.

[2] Về hôn nhân: Ông Đ và bà T đều có yêu cầu chấm dứt quan hệ hôn nhân do giữa vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, hôn nhân không còn hạnh phúc, thời gian ly thân đã lâu. Ông Hữu Đ và bà Huỳnh Thị T xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 1993, không đăng ký kết hôn. Quan hệ hôn nhân của ông Đ và bà T đã vi phạm về đăng ký kết hôn được quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình nên không được công nhận là vợ, chồng.

[3] Về con chung: Đã thành niên nên không xem xét.

[4] Về tài sản: Không có nên không xem xét.

[5] Về nợ chung: Không có nên không xem xét.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ các Điều 9, 14 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ khoản 4 Điều 3 của Thông tư liên tịch số: 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Hữu Đ và bà Huỳnh Thị T.

2. Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và gia đình, ông Hữu Đ phải chịu 300.000 đồng. Ngày 24 tháng 7 năm 2026, ông Đ đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001215 tại Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau được đối trừ, chuyển thu.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND khu vực 3 - Cà Mau;
- Phòng THADS khu vực 3 - Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Bùi Thị Huệ